

sở cho việc xác định vốn lưu động, số thu nộp ở từng cấp kinh doanh gỗ.

5. Tùy theo tình hình thực tế kinh doanh của từng xí nghiệp, nếu vì thị hành giá bán buôn than, gỗ mới và sau khi đã tính lại giá thành như nêu ở điểm 3 trên đây mà thấy xí nghiệp bị lỗ vốn thì cơ quan tài chính cùng cơ quan chủ quản xét định sự cần thiết phải đề nghị với cơ quan quản lý giá của Nhà nước nghiên cứu xét việc điều chỉnh giá bán sản phẩm làm ra của xí nghiệp đó. Tuy nhiên, không phải tất cả các xí nghiệp dùng than, gỗ theo giá bán buôn cao hơn trước đều cần được điều chỉnh giá bán sản phẩm làm ra, có trường hợp cơ quan tài chính vẫn cấp bù lỗ như đối với những đơn vị kinh doanh bán than quả bàng, quan tài, một số đồ mộc theo giá bán lẻ cũ theo đúng như đã hướng dẫn trong thông tư thị hành giá than, gỗ mới của Thủ tướng Chính phủ.

6. Cơ quan tài chính cùng cơ quan chủ quản chú ý đến các thành tích tiết kiệm than, gỗ của các đơn vị cơ sở để xét duyệt mức trích lập quỹ xí nghiệp trong dịp duyệt quyết toán cả năm. Các xí nghiệp cần phân tích, nêu rõ lượng than, gỗ tiết kiệm và trị giá bằng tiền, trong phần thuyết trình của báo cáo quyết toán.

7. Riêng đối với hợp tác xã, cơ quan tài chính (bao gồm cả cơ quan thuế) phải phối hợp với cơ quan vật giá, cơ quan chủ quản để giúp đỡ các xí nghiệp cho gia công, thu mua kiểm tra lại giá thành của các hợp tác xã; giá thành này phải tính toán trên cơ sở các định mức dùng than, gỗ và các khoản chi phí khác một cách hợp lý, tiết kiệm. Cơ quan tài chính có trách nhiệm tham gia việc xét, quyết định điều chỉnh giá gia công, giá thu mua; chỉ được điều chỉnh giá gia công, giá thu mua lên đối với những hợp tác xã đã được kiểm tra kỹ giá thành, mà thấy cần phải cho điều chỉnh để bảo đảm cho hợp tác xã có mức lãi hợp lý; mặt khác, cần điều chỉnh giá gia công, giá thu mua xuống đối với hợp tác xã được mua than giá hạ hơn trước và đối với các hợp tác xã trước đây đã được hưởng giá gia công, giá thu mua rộng rãi nên nay mặc dầu giá than, gỗ có tăng nhưng cũng mới rút đi có một phần của số lãi không hợp lý.

8. Cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan vật giá, cơ quan ngân hàng Nhà nước, cùng nhau thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thị hành giá than, giá gỗ, phát hiện các trường hợp sai giá, sai đối tượng áp dụng giá, sai quy cách phẩm chất để tùy trường hợp yêu cầu phải sửa đổi lại hoặc đề nghị với cơ quan có quyền lực xét xử.

9. Các Bộ chủ quản, các Sở, Ty Tài chính xác định cho các đơn vị cơ sở kế hoạch thu chi tài

vụ chính thức của năm 1975 theo giá mới và tổng hợp tình hình ảnh hưởng của giá than, gỗ đến vốn lưu động, giá thành, số thu nộp của các đơn vị xí nghiệp trực thuộc, xác định kế hoạch thu chi tài vụ của toàn ngành và quan hệ với ngân sách Nhà nước. Bộ Tài chính sẽ cùng các Bộ và các địa phương xác định kế hoạch thu chi ngân sách Nhà nước đối với từng Bộ chủ quản và từng địa phương theo giá mới của năm kế hoạch 1975.

Trong quá trình thị hành giá bán buôn mới than và gỗ, nếu có khó khăn mắc mứu gì về tài chính, đề nghị phản ảnh ngay về Bộ Tài chính kịp thời góp ý kiến và giải quyết.

Hà-nội, ngày 16 tháng 1 năm 1975

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ tướng

TRỊNH VĂN BÌNH

## TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

**QUYẾT ĐỊNH số 31-QĐ ngày 10-1-1975**  
quy định mức tiền Bưu điện phải  
bồi thường đối với những bưu  
phâm, bưu kiện bị mất mát, suy  
suyễn và hư hỏng.

## TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 121-CP ngày 20-8-1963  
và số 232-CP ngày 17-12-1971 của Hội đồng  
Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và  
lễ chức bộ máy Tổng cục Bưu điện;

Căn cứ nghị định số 91-CP ngày 2-5-1973  
của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ gửi,  
nhận và chuyển, phát bưu phẩm và Điều lệ gửi,  
nhận và chuyển, phát bưu kiện;

Xét yêu cầu cần thiết phải quy định lại mức  
bồi thường cho bưu phẩm ghi số, cho bưu kiện  
bị mất mát, suy suyễn, hư hỏng.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Những trường hợp bưu điện phải  
bồi thường và không phải bồi thường bưu phẩm  
ghi số, bưu phẩm khai giá, bưu kiện nói chung  
và bưu kiện khai giá, trong nước cũng như ngoài  
nước, đã được quy định trong Điều lệ gửi, nhận

và chuyển, phát bưu phẩm (điều 48, điều 52, điều 53, điều 60, điều 61), trong Điều lệ gửi, nhận và chuyển, phát bưu kiện (điều 37, điều 41, điều 42, điều 43, điều 49, điều 50).

**Điều 2.** — Mức tiền bồi thường ngoài nước được quy định theo đúng thông lệ quốc tế, cụ thể như sau :

a) **Đối với mỗi bưu phẩm ghi số bị mất,** mức bồi thường là bốn mươi phơ-răng vàng (40 fr.) quy ra tiền Việt-nam là bảy mươi sáu đồng tám hào (76,80đ) ;

b) **Đối với mỗi bưu kiện nói chung bị mất, bị suy suyền hay bị hư hỏng,** mức bồi thường tối đa là :

— 15 phơ-răng vàng, quy ra tiền Việt-nam là hai mươi tám đồng tám hào (28,80đ) cho một bưu kiện nặng tới 1 kilôgam ;

— 25 phơ-răng vàng, quy ra tiền Việt-nam là bốn mươi tám đồng (48đ) cho một bưu kiện nặng trên 1 cho tới 3 kilôgam ;

— 40 phơ-răng vàng, quy ra tiền Việt-nam là bảy mươi sáu đồng tám hào (76,80đ) cho một bưu kiện nặng trên 3 cho tới 5 kilôgam ;

— 60 phơ-răng vàng, quy ra tiền Việt-nam là một trăm mười lăm đồng hai hào (115,20đ) cho một bưu kiện nặng trên 5 cho tới 10 kilôgam ;

— 80 phơ-răng vàng, quy ra tiền Việt-nam là một trăm năm mươi ba đồng sáu hào (153,60đ) cho một bưu kiện nặng trên 10 cho tới 15 kilôgam ;

— 100 phơ-răng vàng, quy ra tiền Việt-nam là một trăm chín mươi hai đồng (192đ) cho một bưu kiện nặng trên 15 cho tới 20 kilôgam ;

**Điều 3.** — Mỗi bưu phẩm ghi số trong nước bị mất, mỗi bưu phẩm ghi số gửi đi nước ngoài bị mất trong phạm vi lãnh thổ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được bồi thường bằng một số tiền tối đa là bốn mươi đồng (40đ).

**Điều 4.** — Mỗi thư ghi số trong nước bị suy suyền, mỗi bưu phẩm ghi số trong nước đựng vật phẩm có giá trị hàng hóa bị suy suyền, hư hỏng, mỗi bưu phẩm ghi số ngoài nước đựng vật phẩm có giá trị hàng hóa bị suy suyền, hư hỏng trong phạm vi lãnh thổ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được bồi thường :

a) **Suy suyền :**

- Không quá 20đ cho suy suyền đến 50% ;
- Trên 20đ và không quá 40đ cho suy suyền trên 50% đến 100%.

b) **Hư hỏng :**

- 15đ cho hư hỏng từ 10% đến 50% ;
- 30đ cho hư hỏng từ trên 50% đến 90% ;
- 40đ cho hư hỏng từ trên 90% đến 100%.

Chỉ bồi thường suy suyền, hư hỏng đối với vật phẩm có giá trị hàng hóa.

Số tiền bồi thường không được quá 40đ (bốn mươi đồng) cho mỗi bưu phẩm ghi số bị hư hỏng, suy suyền.

**Điều 5.** — Mức tối đa bồi thường cho bưu kiện nói chung trong nước hoặc cho bưu kiện gửi đi nước ngoài bị mất, suy suyền hay hư hỏng trong phạm vi lãnh thổ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được quy định cho từng nấc khối lượng như sau :

- 25đ cho một bưu kiện nặng tới 3 kilôgam ;
- 35đ cho một bưu kiện nặng trên 3 cho tới 5 kilôgam ;
- 57đ cho một bưu kiện nặng trên 5 cho tới 10 kilôgam.

**Điều 6.** — Đối với bưu kiện nói chung cũng như đối với bưu kiện khai giá, số tiền bồi thường được tính theo giá trị của vật phẩm bị mất, suy suyền, hư hỏng và theo giá cả hàng hóa cùng loại ở nơi gửi và lúc gửi bưu kiện.

Đối với bưu kiện nói chung số tiền bồi thường không được quá mức tối đa quy định ở điều 5 cho từng nấc khối lượng.

Đối với bưu kiện khai giá, số tiền bồi thường tối đa không được quá số tiền đã khai, chứ không tính theo nấc khối lượng.

**Điều 7.** — Quyết định này thi hành kể từ ngày ban hành. Những vụ bồi thường đã được giải quyết xong xuôi trước ngày ban hành quyết định này, nay không đặt vấn đề xem xét lại.

Những quy định trong nghị định số 132-ND ngày 30-11-1956 trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 8.** — Các ông Chánh Văn phòng, Cục trưởng, Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục, các ông giám đốc Trung tâm Bưu điện Hà-nội, Sở Bưu điện Hải-phòng, Trưởng Ty Bưu điện tỉnh, Trưởng phòng Bưu điện Khu Tây-bắc, Khu Việt-bắc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 10 tháng 1 năm 1975

Q. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện

VŨ VĂN QUÝ